

Số: 64 /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính Ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 68/TTr-SXD ngày 08 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

c) Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

1. Đối với loại xe thiết kế ghế ngồi, chỗ đứng

STT	Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Đơn vị tính
I	Xe khách tuyến cố định		
1	Cự ly đến 100 Km	2.700	đồng/ghế ngồi/lượt
2	Cự ly từ 101 Km đến 200 Km	3.500	đồng/ghế ngồi/lượt
3	Cự ly từ 201 Km đến 300 Km	4.100	đồng/ghế ngồi/lượt
4	Cự ly từ 301 Km đến 500 Km	5.400	đồng/ghế ngồi/lượt
5	Cự ly từ 501 Km trở lên	7.300	đồng/ghế ngồi/lượt
II	Xe buýt		
1	Xe buýt có trợ giá	400	đồng/ghế ngồi, chỗ đứng/lượt
2	Xe buýt không trợ giá	800	đồng/ghế ngồi, chỗ đứng/lượt
III	Các loại xe khác		
1	Xe máy, xe thô sơ	5.000	đồng/lượt
2	Xe taxi, xe ô tô con dưới 9 chỗ, xe tải dưới 1 tấn	10.000	đồng/lượt
3	Xe ô tô khách 9 chỗ đến 30 chỗ, xe tải từ 1 tấn đến 5 tấn	15.000	đồng/lượt
4	Xe khách trên 30 chỗ, xe tải >5 tấn	20.000	đồng/lượt
IV	Xe trung chuyển khách	15.000	đồng/lượt

Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến ô tô tại Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số lượng ghế ngồi, đứng trên xe tính theo số ghế ngồi, chỗ đứng thiết kế

của phương tiện theo tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật hiện hành.

2. Đối với các loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn riêng (ca bin, buồng, giường, ghế kích thước lớn) thì giá tối đa dịch vụ được tính theo giá tối đa dịch vụ của loại xe tiêu chuẩn có cùng kích thước xe.

3. Đối với loại xe buýt, xe trung chuyển khách và các loại xe khác được áp dụng chung cho tất cả các loại bến xe.

4. Giá tối đa dịch vụ ra vào bến nêu trên là mức giá áp dụng đối với quy chuẩn bến xe khách loại 3 được tính bằng 100%, các loại bến xe còn lại được tính như sau:

a) Bến xe khách loại 1: Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được tính bằng 110% bến xe khách loại 3.

b) Bến xe khách loại 2: Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được tính bằng 105% bến xe khách loại 3.

c) Bến xe khách loại 4: Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được tính bằng 95% bến xe khách loại 3.

d) Bến xe khách loại 5: Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được tính bằng 90% bến xe khách loại 3.

đ) Bến xe khách loại 6: Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được tính bằng 85% bến xe khách loại 3.

5. Đối với xe khách tuyến cố định và xe buýt ghé bến đón, trả khách (thời gian trong bến không quá 05 phút): Mức thu bằng 50% mức giá dịch vụ trên với cự ly, từng loại tương ứng.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành.

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra các bến xe trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của các bến xe, đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định theo thẩm quyền phương án giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô theo đề nghị của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường: Phối hợp, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác bến xe và các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô:

a) Dựa trên mức giá tối đa, xây dựng lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ xe ra,

vào bên đảm bảo ổn định hoạt động phù hợp với các biến động của chỉ số giá, tiền lương.

b) Thực hiện niêm yết giá công khai thông tin về giá và thu theo giá niêm yết theo quy định pháp luật về giá và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/11/2025 và thay thế Quyết định số 68/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2011 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 428/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi Điều 2 Quyết định số 428/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Khi nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc chỉ số giá tiêu dùng tăng (hoặc giảm) làm tăng (hoặc giảm) chi phí của đơn vị thì được phép điều chỉnh mức giá tối đa quy định Điều 2 Quy định này, nhưng không vượt quá 10% mức giá tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định. Trước khi điều chỉnh 30 ngày, các đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở Xây dựng.

Nếu mức giá tối đa tăng từ 10% trở lên, các đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe báo cáo, đề xuất phối hợp với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh mức giá.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (b/c);
- TTTU; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban xây dựng Đảng;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Lãnh đạo Văn phòng;
 - + Trung tâm Thông tin (đăng Công báo);
 - + TP: KTTH, KTN;
 - + Lưu: VT, KTTH_{Huân}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Ngô Tân Phụng